TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Anna Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1495/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1985; Địa chỉ: số B đường S, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Ngọc Kim T1, sinh năm 1972; Địa chỉ: số B đường S, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2018, lời khai tại tòa và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H trình bày:

Bà và ông Huỳnh Ngọc Kim T1 chung sống từ năm 2009, tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường I, thành phố E, tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2009 ngày 17/02/2009. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do ông T1 thường xuyên chửi bà, nói xấu bà với hàng xóm. Cuộc sống vợ chồng quá áp lực, mệt mỏi vì ông T1 luôn nói móc, cạnh khóe, đay nghiến bà. Bà và ông T1 đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tình cảm không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Tuấn T2, sinh ngày 24/3/2010. Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại các phiên hòa giải, ông T1 có nguyện vọng được nuôi con, bà H đồng ý giao con chung cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con vì điều kiện kinh tế khó khăn hơn ông T1.

Tài sản chung: Bà xác định không có.

Nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Kim T1 trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Kim H chung sống từ năm 2009, tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường I, thành phố E, tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2009 ngày 17/02/2009. Theo ông, quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nhưng không có gì to tát. Bà H không chăm lo cho gia đình chồng, không chăm lo cho con, đi làm sớm, về muộn, giao du với những người bạn xấu nên mới yêu cầu ly hôn. Có lúc bà H bỏ đi cả tuần không về nhà, gọi điện không nghe máy. Bà H nhiều lần tự ý lấy tiền của ông để trong ngăn tủ tiêu xài mà không có sự đồng ý của ông, số tiền bao nhiêu ông không biết chính xác. Ngoài ra, bà H còn nhiều lần chửi cha chồng. Vì những lý do trên nên ông thường xuyên mắng chửi bà H. Tuy nhiên, ông cho rằng giữa vợ chồng xảy ra những việc đó là bình thường, ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Tuấn T2, sinh ngày 24/3/2010. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Ông có đủ điều kiện nuôi con nên ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ông xác định không có

Nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Ngọc Kim T1 vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định tư cách người tham gia tố tụng; xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim H được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc Kim T1.

Về con chung: Giao trẻ Huỳnh Ngọc Tuấn T2 cho ông T1 nuôi dưỡng, ghi nhận việc ông T1 không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị Kim H nộp đơn khởi kiện vụ án ly hôn với ông Huỳnh Ngọc Kim T1, ông T1 có địa chỉ cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Huỳnh Ngọc Kim T1 theo đúng quy định tại Điều 175, Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T1 vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim H nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc Kim T1.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Phạm Thị Kim H và ông Huỳnh Ngọc Kim T1 tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường I, thành phố E, tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2009 ngày 17/02/2009 như vậy hôn nhân giữa bà H và ông T1 là hợp pháp.

Xét nguyên nhân bà H xin ly hôn là do chồng bà thường xuyên mắng chửi bà, nói xấu bà với hàng xóm, cuộc sống vợ chồng quá áp lực, mệt mỏi, ông T1 luôn nói móc, cạnh khóe, đay nghiến bà. Ông T1 trình bày do bà H không chăm

lo cho gia đình bên ông, không chăm lo cho con, đi làm sớm, về muộn, giao du với những người bạn xấu, có lúc bà H bỏ đi cả tuần không về nhà, gọi điện không nghe máy. Bà H nhiều lần tự ý lấy tiền của ông để trong ngăn tủ tiêu xài mà không có sự đồng ý của ông, bà H còn nhiều lần chửi cha chồng. Ông T1 xác nhận thường xuyên mắng chửi bà H. Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa bà H và ông T1 nhiều lần nhưng không thành. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T1 là trầm trọng.

Đồng thời, căn cứ vào kết quả xác minh của Hội Liên hiệp phụ nữ Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Trong quá trình chung sống giữa bà Phạm Thị Kim H và ông Huỳnh Ngọc Kim T1 có phát sinh mâu thuẫn, không cùng tiếng nói chung nên dẫn đến hay cãi nhau, lớn tiếng với nhau. Vợ chồng bà Phạm Thị Kim H và ông Huỳnh Ngọc Kim T1 hiện nay đã ly thân, thời gian ly thân từ cuối năm 2017.

Từ những phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T1 là trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông T1 là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T1 theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2009 ngày 17/02/2009 được Ủy ban nhân dân phường I, thành phố E, tỉnh Đ cấp cho bà Phạm Thị Kim H và ông Huỳnh Ngọc Kim T1 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Tuấn T2, sinh ngày 24/3/2010. Khi ly hôn, bà H đồng ý để ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại các phiên hòa giải, bà H đồng ý giao ông T1 nuôi dưỡng con chung, bà H không cấp dưỡng nuôi con và ông T1 không có yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái đạo đức xã hội và cũng phù hợp với nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Kim H và ông Huỳnh Ngọc Kim T1 xác định không có.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị Kim H và ông Huỳnh Ngọc Kim T1 xác định không có.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Phạm Thị Kim H phải chịu nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001393 ngày 22/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Kim H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim H được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc Kim T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2009 ngày 17/02/2009 do Ủy ban nhân dân phường I, thành phố E, tỉnh Đ cấp cho bà Phạm Thị Kim H và ông Huỳnh Ngọc Kim T1 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Huỳnh Ngọc Kim T1 trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Ngọc Tuấn T2, sinh ngày 24/3/2010. Bà Phạm Thị Kim H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Kim H và ông Huỳnh Ngọc Kim T1 xác định không có.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị Kim H và ông Huỳnh Ngọc Kim T1 xác định không có.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Phạm Thị Kim H phải chịu nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001393 ngày 22/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Kim H đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND P.I, TP.E, T.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc